

Số: 456 /QĐ-SNN

Lai Châu, ngày 15 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chè Shan giâm cành trên địa bàn tỉnh Lai Châu

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT LAI CHÂU

Căn cứ Quyết định số 35/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quy trình kỹ thuật cây chè Shan giâm cành của Viện Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc và điều kiện thực tế tại địa phương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chè Shan giâm cành trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 576/QĐ-SNN của Sở Nông nghiệp và PTNT ngày 2/12/2011 về việc Ban hành Quy trình kỹ thuật (tạm thời) cây chè Shan giâm cành trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở gồm: Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Bảo vệ thực vật, phòng nông nghiệp huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, NN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Quang Huy

QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC CÂY CHÈ SHAN GIÂM CÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-SNN, ngày 15 tháng 12 năm 2015
của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Lai Châu)

I. YÊU CẦU VỀ ĐIỀU KIỆN SINH THÁI

1. Khí hậu

- Lượng mưa: Chè có nguồn gốc Á nhiệt đới nên đòi hỏi lượng mưa hàng năm lớn 1.500 - 2.000 mm.

- Ẩm độ không khí: Là một yếu tố quan trọng quyết định năng suất của cây chè, độ ẩm không khí phù hợp thì tốc độ ra búp mạnh, mật độ búp cao và trọng lượng búp lớn. Độ ẩm không khí từ 75 - 80 % và độ ẩm đất 80 - 85% là phù hợp cho cây chè sinh trưởng và phát triển tốt.

- Nhiệt độ không khí: Ảnh hưởng lớn đến tốc độ ra búp, mật độ búp, trọng lượng búp và thời gian cho búp thu hoạch. Chè sinh trưởng tốt ở nhiệt độ 15 - 20°C. Trong quá trình sinh trưởng cây chè yêu cầu tổng lượng tích ôn trong năm là 3.500 - 4.000°C.

- Ánh sáng: Cây chè có nguồn gốc dưới tán rừng Á nhiệt đới nên sinh trưởng thích hợp ánh sáng tán xạ. Do vậy trong cả quá trình sống của cây chè cần có cây che bóng để sinh trưởng tốt.

2. Đất đai

- Lựa chọn vùng sản xuất phải thuộc vùng quy hoạch thuộc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đất có tầng dày canh tác từ 50 cm trở lên, kết cấu tơi xốp.

- Mạch nước ngầm ở sâu dưới mặt đất từ 100 cm trở lên.

- Độ pH_{KCl} từ 4 - 6, tỷ lệ mùn tổng số từ 2,0% trở lên.

- Độ dốc bình quân đòi không quá 15°

II. THIẾT KẾ ĐỒI NƯƠNG

1. Thiết kế đồi, hàng chè

Thiết kế từng đồi phải nằm trong thiết kế tổng thể chung toàn vùng.

Thiết kế đồng bộ ngay từ đầu hệ thống đường, các công trình phụ trợ cây phân xanh, che bóng, chắn gió; Những nơi thuận lợi cần làm đập, hồ chứa nước chân đồi, bể chứa nước, hệ thống tưới nước, hố ủ phân trên đồi.

Thiết kế hàng: Nơi đồi có độ dốc bình quân 6° trở xuống (cục bộ có thể lên tới 8°): Thiết kế hàng chè thẳng theo hàng dài nhất, song song với đường bình độ chính, hàng cắt xếp ở bìa lô.

2. Hệ thống đường

Loại đường	Vị trí	Bề rộng mặt đường (m)	Độ dốc mặt đường (độ)	Độ nghiêng vào trong đồi (độ)	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6
1. Trục đường chính	Xuyên giữa hai khu chè	5 - 6	5	-	Hai mép trồng cây, có hệ thống rãnh thoát nước hai bên
2. Đường liên đồi	Nối đường trục với các đồi hoặc các đồi với nhau	4 - 5	6	6	Mép ngoài trồng cây
3. Đường lên đồi	Nối đường liên đồi với đỉnh và đường vành đồi	3 - 4	8 - 10	5	Có rãnh thoát nước phía trong. Có vòng quay xe ở ngã ba. Mép ngoài trồng cây thưa
4. Đường vành đồi	Đường vành chân đồi và cách 30-50m theo sườn đồi có một đường	3 - 4	1 - 2	6 - 7	Mép ngoài trồng cây thưa
5. Đường lô	Cắt ngang (đồi phẳng) hay cắt chéo hàng chè (đồi dốc) cách nhau 150-200m.	3 - 4	10 - 12	-	Sửa theo mặt đất tự nhiên, không có rãnh thoát nước
6. Đường chăm sóc	Trong lô chè, cách nhau 57-70m, cắt ngang hay chéo hàng chè.	1,2 - 1,3	10 - 12	-	Sửa theo mặt đất tự nhiên, không có rãnh thoát nước

3. Thiết kế hạng mục phụ trợ

- Có đai rừng chắn vuông góc với hướng gió chính. Cứ cách 200 - 500m có 1 đai rộng 5 - 10m, có kết cấu thoáng. Nơi thuận lợi thì bố trí thêm đai rừng vành chân và đỉnh đồi.



- Cứ 5 - 10 ha có một lần trú mưa, nắng; 3 - 4 ha có một bể chum chứa nước 2 m³ phun thuốc trừ sâu cho chè; 2 ha có một bể để thu gom vỏ trài bao bì thuốc BVTV; 2-3 ha có hố ủ phân hữu cơ tại chỗ, dung tích chứa 8-10m³/ đợt ủ.

III. KỸ THUẬT TRỒNG CHÈ

1. Làm đất

- Việc làm đất trồng chè phải đạt yêu cầu sâu, sạch, ải, vùi lớp đất mặt có nhiều hạt cỏ xuống dưới, san ủi những điểm dốc cục bộ.

- Những vùng bằng phẳng có qui mô diện tích lớn áp dụng kỹ thuật bừa san và cày sâu toàn bộ bề mặt với độ sâu 20 - 35 cm. Trường hợp không cày toàn bộ bề mặt cũng phải đào rãnh trồng. Đào rãnh hàng trồng chè sâu 40 - 45 cm, rộng 50 - 60 cm. Lấp đất mặt xuống dưới, lấp đất cái trên cách mặt đất 5 - 10cm.

- Thời vụ làm đất: Làm đất vào thời gian ít mưa (*dưới 150 mm/tháng*) tránh xói mòn, làm từ tháng 12 năm trước đến tháng 1 năm sau, trồng một vụ cây họ đậu (đậu tương, lạc), cây phân xanh để cải tạo đất trước khi trồng.

2. Giống chè

- Các giống chè Shan được chọn lọc và được cấp có thẩm quyền cho áp dụng thích hợp theo từng vùng.

- Giống chè giám canh: Cây sinh trưởng trong vườn ươm từ 8 - 12 tháng tuổi. Cây cao từ 25 - 30 cm trở lên, có 8 - 10 lá thật, đường kính sát gốc từ 2,5 - 3.5 mm trở lên, vỏ phía gốc màu đỏ nâu chiếm 1/3 thân, phía ngọn xanh thẫm; lá chè to, dày, xanh đậm, bóng láng; không có nụ hoa.

3. Thời vụ trồng chè

- Thời vụ giám canh: Từ tháng 9 - 11 hàng năm.

- Thời vụ trồng (*vào vụ mưa*): Từ đầu tháng 5 đến cuối tháng 7.

4. Trồng cây chè

- Đất trồng chè phải được cày vùi cây phân xanh trước khi trồng ít nhất 1 tháng

- Mật độ, khoảng cách trồng:

+ Nơi đất dốc trên 15⁰, mật độ trồng thích hợp là 13.200 cây /ha (khoảng cách hàng cách hàng 1,7 m, cây cách cây từ 0,4m - 0,45m).

+ Đối với độ dốc dưới 15⁰, mật độ trồng thích hợp là 15.000 /ha (khoảng cách hàng cách hàng 1,5m, cây cách cây từ 0,4 - 0,45 m).

- Cách trồng: Đặt bầu vào hố hay rạch, bỏ túi bầu, lấp đất, nén đất đều xung quanh bầu, lấp phủ lớp đất tơi trên vết cắt hom 1,5 - 2,5 cm, đặt mầm cây theo một hướng xuôi chiều gió chính. Trồng xong tủ cỏ, rác hai bên hàng chè hay hốc trồng dày 20 cm bằng chất liệu xác thực vật không có khả năng tái sinh. Tưới khi có điều kiện và rào xung quanh khu vực trồng để bảo vệ gia súc phá hại.

5. Trồng cây phân xanh, che bóng và cải tạo đất



Cây phân xanh, và các cây trồng có khả năng cải tạo đất, làm phân bón để tăng chất dinh dưỡng cho cây chè, tốt nhất là các cây họ đậu.

Thời vụ gieo: Từ tháng 1 - 4 hàng năm, ngay sau khi làm đất, trồng chè.

Cách gieo: Cây hàng năm (lạc, đậu, ...) gieo giữa hàng, mật độ tùy theo loại cây, cách gốc chè ít nhất 40cm về mỗi bên. Chăm sóc các loại cây này như trồng thuần, khi thu hoạch để phân thân và chất xanh vùi, tủ cho chè.

Cây phân xanh lưu niên 2 - 4 năm (các loại muồng, cốt khí) kiềm che bóng tạm được gieo theo cụm một đường giữa hai hàng chè, khoảng cách tâm cụm 30 - 40cm, mỗi cụm đường kính 3 - 5 cm. Lượng trồng 7-10 kg hạt/ha. Cần tiến hành bón bổ sung 100 kg supe lân + 30 kg ure/ha. Thu hoạch khi cây cao trên 1m thu phân ngọn 40 - 45 cm và tủ cho rạch chè.

Cây bóng mát bộ đậu, thân gỗ, tán thưa, rộng, không tranh chấp nước với cây chè về mùa đông, được trồng cùng hàng hay giữa hai hàng chè, mật độ từ 150 - 250 cây/ha, trồng bằng cây ươm bầu, đảm bảo che bóng 20 - 40% ánh sáng mặt trời. Cần cắt tỉa vào tháng 4 và tháng 9 để vùi, tủ cho chè.

IV. KỸ THUẬT CHĂM SÓC

1. Giặm cây con

Nương chè phải được giặm cây con ngay từ năm đầu sau trồng vào những chỗ mất khoảng. Bầu cây con đem giặm có cùng tuổi cây trồng trên nương, đã được dự phòng 10 - 15%.

Bón thêm mỗi cây 1,0 kg phân chuồng trước trồng giặm.

Trồng giặm cây vào ngày râm mát, mưa nhỏ hoặc sau mưa to.

Giặm chè cần được tiến hành liên tục trong thời kỳ nương chè kiến thiết cơ bản (2 - 3 năm), đảm bảo nương chè đông đặc, đồng đều. Trồng giặm tốt nhất vào thời vụ Xuân sớm (tháng 2 - 3), mưa nhỏ, đất vừa ẩm, hay tháng 6 - 7.

Đối với nương chè tuổi lớn mất khoảng tiến hành trồng giặm cây con 14 - 16 tháng tuổi, chiều cao 35 - 40cm sau khi bấm ngọn. Kích thước bầu lớn 25 x 12cm, bầu đất được đóng với tỷ lệ 3 phần đất + 1 phần phân hữu cơ hoai mục được ủ với phân lân.

2. Bón phân

2.1. Bón lót trước khi trồng:

Bón lót trước khi trồng 10 - 20 tấn phân hữu cơ (hoặc bón 4,5 - 5 tấn phân vi sinh) và 800 kg supe lân, trộn phân đều vào đất dưới rãnh, hàng trước khi trồng 1 tháng.

2.2. Bón phân cho mỗi ha chè kiến thiết cơ bản:

Loại chè	Loại phân	Lượng	Số	Thời gian	Phương pháp
----------	-----------	-------	----	-----------	-------------

1	2	phân (kg)	lần bón	bón (vào tháng)	bón
1	2	3	4	5	6
Chè tuổi 1	Đạm Urê	87	2	2 - 3 và 6 - 7	Trộn đều phân, bón sâu 6-8 cm giữa hàng lấp kín, cách gốc 25-30cm.
	Super lân	167	1	2; 7	
	Kali Clorua	167	1	2 - 3	
Chè tuổi 2	Đạm Urê	130	2	2 - 3 và 6 - 7	Phương pháp bón như tuổi 1
	Super lân	167	1	2; 7	
	Kali Clorua	222	1	2 - 3	
Đốn tạo hình lần 1 (2 tuổi)	Hữu cơ	10.000 - 15.000 (hoặc 1.660 kg phân vi sinh)	1	11-12	Phương pháp bón như tuổi 1
Chè tuổi 3	Đạm Urê	174	2	2 - 3 và 6 - 7	Phương pháp bón như tuổi 1
	Super lân	222	1	2 - 3	
	Kali Clorua	333	2	2 - 3 và 6 - 7	
	Hữu cơ	10.000 - 20.000 (hoặc 1.660 tấn phân vi sinh)	1	11-12	

2.3. Bón phân cho mỗi ha chè kinh doanh theo bảng sau:

Loại chè	Loại phân	Lượng phân (kg)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)	Phương pháp bón
1	2	3	4	5	6
Năng suất búp	Đạm Urê	215-260	3-4	2; 4; 6; 8	

dưới 60 tạ/ha	Super lân	220 -330	1	2	
	Kali Clorua	330 - 440	2	2 ; 4 ; 6 ; 8	
Năng suất búp từ 60-80 tạ/ha	Đạm Urê	330 - 390	3-4	2 ; 4 ; 6 ; 8	
	Super lân	330 - 550	2	2	
	Kali Clorua	330 -550	4	2 ; 4 ; 6 ; 8	
Năng suất búp từ 80-120 tạ/ha	Đạm Urê	390 - 650	3-5	2 ; 4 ; 6 ; 8	
	Super lân	550 - 890	1	1	
	Kali Clorua	340 - 600	2-3	2 ; 4 ; 6 ; 8	
Năng suất đọt từ 120 tạ/ha	Đạm Urê	420 - 750	3-5	2 ; 4 ; 6 ; 8	
	Super lân	600 - 900	1	1	
	Kali Clorua	2 - 700	2-3	2 ; 4 ; 6 ; 8	

- Cách bón phân vô cơ: Trộn đều phân, bón sâu 6 - 8cm giữa hàng lấp kín. Bón phân chuồng bổ sung 20 tấn/ha, 2 năm bón 1 lần.

3. Phòng trừ cỏ dại

3.1. Chè kiến thiết cơ bản:

Xới cỏ, đảm bảo cỏ sạch quanh năm trên hàng chè.

Riêng chè 1 tuổi cần nhổ cỏ tay ở gốc chè để bảo vệ được cây chè. Giữa hàng trồng xen cây phân xanh, đậu đỗ, hoặc bừa xới sạch cỏ.

Vụ Xuân (tháng 2 - 3) và vụ hè- thu (tháng 6 - 7) xới sạch toàn bộ diện tích 1 lần/vụ.

3.2. Đối với chè kinh doanh:

- Vụ Đông - Xuân: Xới sạch cỏ dại, cây giữa hàng hoặc phay sâu 10cm, lấp phân hữu cơ và cành lá già sau khi đốn, nếu hạn không cày được thì xới sạch toàn bộ.

- Vụ Hè Thu: Đào gốc cây dại, phát luống hoặc xới cỏ gốc giữa hàng, bừa 2 - 3 lần hoặc phay sâu 5 cm.

Đồi chè được tủ cỏ, rác độ dày trên 20 cm trong vụ Đông Xuân thì bót các khâu làm cỏ trong vụ Hè Thu.

3.3. Đối với vườn chè nuôi hom giống:

- Vụ Đông Xuân: Xới sạch cỏ gốc, cày bừa giữa hàng để làm sạch cỏ.

- Vụ Hè Thu: Đánh gốc cây dại, phát cỏ ven đường, luống cỏ gốc.

4. Phòng trừ sâu bệnh

Phòng trừ sâu bệnh hại chè bằng biện pháp tổng hợp đảm bảo hợp lý về kinh tế và bền vững dựa trên sự phối hợp biện pháp trồng trọt, sinh học, di truyền chọn giống và hoá học, nhằm đạt sản lượng cao nhất với tác hại ít nhất trong môi trường.

Phải kiểm tra thường xuyên, phát hiện sớm để tập trung phòng trừ. Các biện pháp phòng trừ cụ thể:

- Biện pháp canh tác: Cày bừa diệt cỏ, vệ sinh nương đồi, lấp đất diệt nhộng, diệt mầm bệnh, bón phân hợp lý, thay đổi thời kỳ đốn, hái chạy non để loại trừ bỏ trứng sâu, mầm bệnh.

- Biện pháp sinh học, sinh thái: Trồng cây bóng mát với loại thích hợp và có mật độ đảm bảo độ ẩm trên nương chè. Hạn chế đến mức thấp nhất thuốc hoá học để đảm bảo duy trì tập đoàn thiên địch có ích, cân bằng sinh thái trên nương chè.

- Biện pháp hoá học:

+ Không phun thuốc hoá học theo định kỳ, phun thuốc theo điều tra dự tính, dự báo khi có sâu non hoặc khi chè mới bị bệnh.

+ Dùng thuốc đúng chỉ dẫn về loại, liều lượng dùng đối với các đối tượng sâu, bệnh hại. Thời gian cách ly đảm bảo ít nhất 10 - 15 ngày mới được thu hái đợt chè.

5. Đốn chè

5.1. Đốn tạo hình:

Lần 1: khi chè có 80% số cây có đường kính gốc 1 - 1,5 cm thì tiến hành đốn, đốn thân chính cách mặt đất 35 - 40 cm, đốn cành bên cách mặt đất 45 - 50 cm.

Lần 2: Đốn phẳng cách mặt đất 55 - 60cm

5.2. Đốn phớt:

Hai năm đầu, mỗi năm đốn trên vết đốn cũ 5cm. Sau đó mỗi năm đốn cao thêm 3 cm, khi vết đốn dưới cùng cao 70 cm so với mặt đất thì hàng năm chỉ đốn cao thêm 1cm so vết đốn cũ.

Tuyệt đối không cắt tia cành lá, đảm bảo độ che phủ, khép tán trên nương.

Đối với nương chè sinh trưởng yếu, tán lá thưa mỏng, có thể áp dụng chu kỳ đốn cách năm: 1 năm đốn phớt như trên, 1 năm đốn sửa bằng tán chỉ cắt phần cành xanh.

5.3. Đốn lũng: Những đồi chè đã được đốn phớt nhiều năm, vết đốn cao quá 90cm so với mặt đất, nhiều cành tăm hương, u bướu, búp nhỏ, năng suất giảm thì đốn lũng cách mặt đất 60 - 65 cm; hoặc chè năng suất giảm rõ rệt thì đốn đầu cách mặt đất 70 - 75 cm.

5.4. Đốn đầu: Những đồi chè được đốn lũng nhiều năm, cành nhiều máu, cây sinh trưởng kém, năng suất giảm rõ rệt thì đốn đầu cách mặt đất 40 - 45cm.

5.5. Đốn trẻ lại: Những nương chè già, cằn cỗi đã được đốn đầu nhiều lần, năng suất giảm nghiêm trọng thì đốn trẻ lại cách mặt đất 10 - 25cm.

5.6. Thời vụ đốn: Từ tháng cuối tháng 11 đến hết tháng 12.

- Nơi thường bị sương muối đốn muộn hơn, đốn sau đợt sương muối nặng.
- Đốn đầu trước, đốn phốt sau.
- Đốn tạo hình, chẻ con trước, đốn chẻ trưởng thành sau.

5.7. Cách đốn và dụng cụ đốn:

Có thể dùng máy đốn chẻ để đốn chẻ hay dùng dao đốn chẻ

- Đốn tạo tán có mặt nghiêng theo sườn dốc, không làm dập cành, sây sát vỏ.
- Đốn đầu, đốn lũng, đốn tạo hình lần đầu thì dùng dao. Đốn phốt, đốn tạo hình lần 2 thì dùng kéo hoặc dao. Đốn trẻ lại, sửa cành lớn chẻ giống thì dùng cưa.
- Đối với các giống chẻ có phân cành nhiều, mật độ cành lớn, sinh trưởng đỉnh đều thì có thể áp dụng máy đốn để nâng cao năng suất lao động.

6. Tưới chẻ

Nơi có điều kiện về nguồn nước, khả năng đầu tư thì có thể tiến hành tưới cho chẻ khi độ ẩm đất dưới 60% sức chứa ẩm đồng ruộng (vào các tháng hạn, từ tháng 11-3 năm sau và các thời điểm hạn dài chính vụ quá 15 ngày).

Tưới theo phương pháp phun mưa bề mặt với vòi tưới di động hoặc cố định cho hiệu quả cao.

Tưới theo phương pháp phun mưa bề mặt với vòi tưới di động hoặc cố định cho hiệu quả cao.

7. Thu hoạch và bảo quản

Chỉ thu hoạch khi đảm bảo thời gian cách ly thuốc BVTV và các hóa chất dùng trong xử lý cho chẻ theo hướng dẫn:

7.1. Hái tạo hình chẻ kiến thiết cơ bản.

- Đối với chẻ 1 tuổi: Hái bấm ngọn những cây cao 65cm trở lên từ tháng 10.
- Đối với chẻ 2 tuổi: Hái búp trên những cây to khỏe và cách mặt đất 55cm trở lên.

7.2. Hái tạo hình sau khi đốn:

- Đối với chẻ đốn 1 lần: Đợt đầu hái cách mặt đất 40-45cm, tạo thành mặt phẳng nghiêng theo sườn dốc. Đợt 2 hái đợt chừa 2 lá và lá cá.
- Đối với chẻ hái lần 2: Đợt đầu hái cao hơn chẻ đốn lần 1 từ 25-30cm, các đợt sau hái chừa bình thường như ở chẻ đốn lần 1

7.3. Hái chẻ kinh doanh (theo tiêu chuẩn TCVN 1053-71-1054-71):

- Hái 1 tằm 2, 3 lá non tùy theo mục đích chế biến là chẻ xanh chất lượng cao hay chẻ đen mà hái búp cho phù hợp, chừa lại cách vết đốn 10 - 15 cm tùy theo giống chẻ. Tạo mặt tán bằng, các lần hái sau hái chừa theo qui trình hiện hành. Thời gian hái của một lứa phụ thuộc vào tiêu chuẩn nguyên

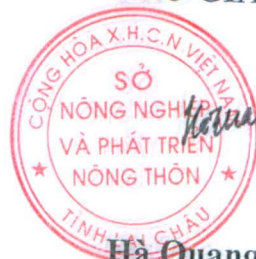
liệu theo yêu cầu của công nghệ chế biến và theo từng loại chè, phụ thuộc vào kỹ thuật hái bằng máy hay hái bằng tay.

Thời gian trung bình giữa hai lứa hái tay 10 - 12 ngày; thời gian trung bình giữa hai lứa hái máy là 35 - 42 ngày tùy theo sinh trưởng của từng giống.

7.4. Hái trên nương chè đồn trẻ lại, đồn đầu: Tiến hành hái như đối với chè kiến thiết cơ bản.

7.5. Bảo quản: Chè búp tươi thu xong phải để nơi râm mát, bỏ trong sọt không nén chặt, không đựng trong bao kín, không để héo, lẫn bản với vật lạ, tạp chất, đưa đến nơi chế biến không quá 6 tiếng.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Quang Huy